

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thông– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 28 đường TTC, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn BT, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn 01, xã SL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày: Vào năm 2013, anh Nguyễn Đức T có vay mượn tiền của chị với tổng cộng số tiền là 150.000.000 đồng để làm ăn bên phía nhà anh T, số tiền này là tiền chị nhiều lần đưa cho anh T và người nhà anh T nhận thay, không lập giấy tờ gì. Vì anh T hẹn trả nợ cho chị nhiều lần nhưng không trả nên đến khoảng giữa năm 2016, chị đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh V là dì của anh T gặp anh T để đòi tiền nhưng anh T vẫn hẹn thời gian khác trả nợ nên chị yêu cầu anh T viết giấy nợ để chị làm bằng chứng. Chị không nhớ rõ ngày giao tiền và số tiền cụ thể từng lần chị cho anh T vay nhưng khi viết giấy nhận nợ thì cả hai thống nhất chốt số tiền 150.000.000 đồng, anh T đồng ý nên tự nguyện viết giấy nợ có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Đức T...”, khi cả hai lập giấy nhận nợ thì chỉ có mặt chị Tr và anh T, không có ai khác chứng kiến. Hết thời hạn trả nợ ghi trong giấy nợ nhưng anh T trốn tránh không trả nên chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả lại số tiền anh T đã vay mượn của chị là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị Tr không yêu cầu anh T trả tiền lãi từ lúc vi phạm đến ngày xét xử nhưng yêu cầu được tính lãi nếu chậm thi hành án.

2. Theo các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn – anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh thừa nhận giấy nợ có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Đức T....” mà chị Tr cung cấp cho Tòa án là do chính anh viết và ký tên. Tuy nhiên, anh cho rằng anh không vay tiền của chị Tr mà đó là tiền chung của anh và chị Tr khi cả 02 người còn là vợ chồng nên đó cũng là tiền anh được phép sử dụng. Lý do anh viết giấy nhận nợ trên là do chị Tr đến nhà dì của anh tên Nguyễn Thị Thanh V tại thôn 01, xã SL gặp anh rồi dùng dao kềm vào cổ của chính chị Tr, gây sức ép buộc anh phải viết tờ giấy nhận nợ nên anh phải viết. Anh xác định anh không vay tiền của chị Nguyễn Thị Thu Tr cho nên anh không đồng ý trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả nợ cho chị số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị Tr không yêu cầu anh T trả tiền lãi nhưng yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án nếu chậm thi hành án. Đối với chi phí giám định, chị Tr yêu cầu anh T phải hoàn trả lại 3.060.000 đồng. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ lúc thụ lý vụ án đến khi chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa của đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Tr có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả tiền nợ, do đó, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, căn cứ khoản 3 Điều 26 thì đây tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bắc Bình nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định tại các Điều 196, 198, 199, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do hòa giải không thành nên đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Từ năm 2013, Chị Nguyễn Thị Thu Tr nhiều lần cho anh Nguyễn Đức T vay tiền để anh T làm ăn bên phía gia đình anh T, việc vay mượn cả hai đều không xác định được thời gian cụ thể và số tiền cụ thể từng lần và cũng không có giấy tờ hay ai khác chứng kiến. Đến khoảng năm 2016, chị Tr đến gặp anh T yêu cầu trả tiền nhưng anh T không có khả năng trả nên anh T viết giấy nợ có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Đức T...” (bút lục số 118) thừa nhận có nợ chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 150.000.000 đồng và hẹn thời điểm trả tiền nợ là tháng 6 năm 2017 nhưng anh T không thực hiện nên chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Đức T thừa nhận chính anh là người viết giấy nhận nợ trên nhưng là do chị Tr ép buộc, mặc khác anh T trình bày có lấy tiền từ chị Tr nhưng đây là tiền chung trong thời kỳ hôn nhân nên cũng là tiền của anh T.

[2.2] Căn cứ lời khai xác nhận của nguyên đơn và bị đơn về việc lập giấy nợ có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Đức T...” cùng Kết luận giám định số 625/KLGD-PC09, ngày 21/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Bình Thuận đủ cơ sở xác định, anh T là người đủ năng lực hành vi dân sự đã tự mình viết và ký tên vào tờ giấy có nội dung nhận nợ 150.000.000 đồng nên có cơ sở khẳng định anh T thừa nhận việc mình có nợ chị Tr số tiền trên.

[2.3] Đối với việc anh T cho rằng mình bị ép buộc viết giấy nhận nợ trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị Tr tự kê dao vào cổ chính chị Tr để buộc anh viết giấy nhận nợ là không có căn cứ, hành vi đó không ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng hay tinh thần của anh T đủ để buộc anh T phải làm trái ý muốn của bản thân, sau khi sự việc xảy ra anh cũng không thông báo với ai và cũng không trình báo với chính quyền địa phương về việc mình bị ép nhận nợ nên không có cơ sở để Tòa án xem xét.

[2.4] Anh T cung cấp 02 người biết về việc mình bị ép nhận nợ là bà Nguyễn Thị Thanh V cùng Lê Nguyễn Khoa Th, là dì và em họ của anh T, Tòa án tiến hành triệu tập, anh T nhận thay giấy triệu tập và cam kết giao lại cho bà Vân và chị Thi nhưng 02 người này không đến làm việc và cũng không gửi văn bản nào cho Tòa án.

[2.5] Nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ là của các bên đương sự nhưng trong quá trình giải quyết, anh T không cung cấp thêm chứng cứ để Tòa án xem xét, ngoài lời khai của anh T, không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của anh T nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh T.

[2.6] Về thời gian viết giấy nhận nợ, từng lần giao tiền cụ thể cả nguyên đơn và bị đơn đều không xác định được chính xác và cũng không có chứng cứ nào khác để xác minh vấn đề này, xét thời điểm hẹn trả nợ ghi trên giấy nhận nợ là vào tháng 6 năm 2017 nhưng đến nay anh T vẫn chưa thực hiện, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2.7] Từ các phân tích nêu trên, có cơ sở khẳng định giao dịch dân sự giữa chị Tr và anh T là có thật và hợp pháp, đủ căn cứ xác định anh T có nợ chị Tr số tiền 150.000.000 đồng. Anh T vay tài sản là tiền nên có nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn nhưng anh T không thực hiện là vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho nên yêu cầu của chị Tr đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Về yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án nếu chậm thi hành án là phù hợp với khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.9] Do yêu cầu của chị Tr được chấp nhận toàn bộ nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí trưng cầu giám định. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Tr tạm ứng án phí sơ thẩm. Chị Tr đã nộp tạm ứng chi phí giám định là

3.060.000 đồng nên buộc anh T phải hoàn trả lại cho chị Tr số tiền 3.060.000 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 161; Khoản 1 Điều 162; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Tr đối với anh Nguyễn Đức T.

2. Buộc anh Nguyễn Đức T phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0015685 ngày 05/4/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Đức T phải hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 3.060.000 đồng (*Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27-11-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Tấn Sinh